Anh (chị) hãy làm rõ sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm: “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc”. Ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam?

MỤC LỤC

[MỞ ĐẦU 3](#_Toc212394349)

[1. Lý do chọn đề tài 3](#_Toc212394350)

[2. Mục đích nghiên cứu 4](#_Toc212394351)

[3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4](#_Toc212394352)

[NỘI DUNG 5](#_Toc212394353)

[I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN ĐIỂM CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH 5](#_Toc212394354)

[1.1. Bối cảnh lịch sử – xã hội đầu thế kỷ XX 5](#_Toc212394355)

[1.2. Quá trình Nguyễn Ái Quốc tiếp cận và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin 6](#_Toc212394356)

[1.3. Kế thừa truyền thống yêu nước và tinh hoa văn hóa dân tộc 7](#_Toc212394357)

[1.4. Tác động của phong trào cách mạng thế giới và phong trào yêu nước ở Việt Nam 7](#_Toc212394358)

[II. SỰ SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG QUAN ĐIỂM VỀ TÍNH CHỦ ĐỘNG VÀ KHẢ NĂNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THUỘC ĐỊA 8](#_Toc212394359)

[2.1. Tính đột phá của luận điểm 8](#_Toc212394360)

[2.2. Xác định đúng mâu thuẫn chủ yếu và nhiệm vụ trung tâm của cách mạng 9](#_Toc212394361)

[2.3. Vấn đề lực lượng cách mạng 11](#_Toc212394362)

[2.4. Vai trò quyết định của Đảng Cộng sản như bộ tham mưu chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc 12](#_Toc212394363)

[2.5. Về phương pháp cách mạng 13](#_Toc212394364)

[2.6. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc 14](#_Toc212394365)

[III. Ý NGHĨA CỦA QUAN ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI 15](#_Toc212394366)

[3.1. Ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam: Định hướng đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp thực tiễn dân tộc 15](#_Toc212394367)

[3.2. Củng cố niềm tin và khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường trong nhân dân Việt Nam 16](#_Toc212394368)

[3.3. Mở ra mô hình cách mạng kiểu mới ở các nước thuộc địa 17](#_Toc212394369)

[3.4. Đóng góp vào kho tàng lý luận Mác – Lênin và sự phát triển của chủ nghĩa cách mạng thế giới 18](#_Toc212394370)

[3.5. Khẳng định giá trị thời đại: soi sáng con đường phát triển của Việt Nam trong hiện tại và tương lai 19](#_Toc212394371)

[3.6. Ý nghĩa giáo dục, đạo đức và nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh 20](#_Toc212394372)

[KẾT LUẬN 20](#_Toc212394373)

[DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 22](#_Toc212394374)

# **MỞ ĐẦU**

1. **Lý do chọn đề tài**

Tiến trình lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh là người đầu tiên ở Việt Nam vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa nửa phong kiến. Một trong những tư tưởng mang tính cách mạng và sáng tạo đặc sắc nhất của Người là quan điểm: “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.” Đây là sự đột phá lớn về lý luận, vượt lên những quan điểm cứng nhắc, giáo điều của Quốc tế Cộng sản thời kỳ đầu thế kỷ XX, khi phong trào cách mạng thế giới còn cho rằng cách mạng ở thuộc địa chỉ có thể thắng lợi sau khi cách mạng ở chính quốc thành công.

Việc nghiên cứu làm rõ sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm này có ý nghĩa sâu sắc, không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tầm vóc tư duy lý luận của Người mà còn góp phần khẳng định vai trò của Hồ Chí Minh trong việc phát triển kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về cách mạng thuộc địa. Tư tưởng đó cũng là một trong những nhân tố quyết định dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên độc lập, tự do, mở đầu thời đại mới trong lịch sử dân tộc.

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc tìm hiểu, phân tích và kế thừa những giá trị sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tính chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của cách mạng giải phóng dân tộc càng trở nên cần thiết. Đây không chỉ là vấn đề học thuật, mà còn là yêu cầu thực tiễn để vận dụng vào công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước trong thời kỳ toàn cầu hóa hiện nay.

Chính vì vậy, em lựa chọn đề tài: “Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm: ‘Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc’ và ý nghĩa của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam” nhằm góp phần làm rõ giá trị lý luận, thực tiễn và thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh – di sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam.

1. **Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của đề tài là làm rõ nội dung sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, cụ thể là quan điểm: “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.” Thông qua đó, bài tiểu luận hướng tới việc khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của quan điểm này đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, cũng như ý nghĩa định hướng của nó đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Cụ thể hơn, đề tài nhằm đạt được các mục tiêu sau:

Phân tích cơ sở hình thành tư tưởng của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Làm rõ điểm mới, độc đáo và sáng tạo của Hồ Chí Minh khi khẳng định vai trò chủ động, sáng tạo và khả năng thắng lợi độc lập của cách mạng thuộc địa.

Đánh giá ý nghĩa lý luận và thực tiễn của quan điểm đó đối với cách mạng Việt Nam – từ Cách mạng Tháng Tám 1945, các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc cho đến công cuộc đổi mới đất nước.

Góp phần khẳng định tầm vóc tư tưởng Hồ Chí Minh như một sự phát triển sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện thuộc địa, đồng thời là kim chỉ nam cho hành động cách mạng Việt Nam trong mọi giai đoạn lịch sử.

1. **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tư tưởng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, trọng tâm là quan điểm: “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.”

Đề tài tập trung tìm hiểu quá trình hình thành, nội dung cốt lõi và giá trị lý luận – thực tiễn của quan điểm này trong hệ thống tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh. Đồng thời, nghiên cứu cũng xem xét cách Người đã vận dụng và phát triển học thuyết Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, qua đó thể hiện bản lĩnh độc lập, sáng tạo của một nhà cách mạng lớn.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài giới hạn trong:

Về nội dung: Tập trung vào việc phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn từ khi Người tiếp cận chủ nghĩa Mác – Lênin (1911–1930) cho đến thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, là giai đoạn thể hiện rõ nhất sự hình thành và phát triển của quan điểm này.

Về không gian nghiên cứu: Nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trên thế giới đầu thế kỷ XX.

Về tài liệu tham khảo: Sử dụng các nguồn tư liệu chính thống như Hồ Chí Minh Toàn tập, các công trình nghiên cứu của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cùng các bài viết khoa học trong và ngoài nước về tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận cách mạng vô sản.

# **NỘI DUNG**

# **I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN ĐIỂM CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH**

## **1.1. Bối cảnh lịch sử – xã hội đầu thế kỷ XX**

Đầu thế kỷ XX, Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, bị thực dân Pháp xâm lược, áp bức và bóc lột nặng nề. Dưới ách thống trị tàn bạo, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, đất nước rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”, vừa bị đế quốc kìm hãm, vừa chịu sự mục nát của giai cấp phong kiến. Các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như phong trào Cần Vương, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân… tuy thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc nhưng đều lần lượt thất bại. Nguyên nhân cơ bản là do thiếu đường lối cách mạng đúng đắn, thiếu một tổ chức lãnh đạo thống nhất và chưa có cơ sở lý luận khoa học.

Trên bình diện quốc tế, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mở rộng xâm lược thuộc địa, đồng thời làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân. Sự kiện Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời của nhà nước Xô Viết đầu tiên trên thế giới đã mở ra một thời kỳ mới – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn cầu.

Trong bối cảnh ấy, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã nhận thức rằng, chỉ có một con đường duy nhất để cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Chính từ thực tiễn đau thương của dân tộc và những biến động mạnh mẽ của thế giới, Người đã bắt đầu hình thành tư tưởng về một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

## **1.2. Quá trình Nguyễn Ái Quốc tiếp cận và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin**

Ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước với khát vọng cháy bỏng “tìm xem nước nào họ làm như thế nào mà được tự do, độc lập, rồi về giúp đồng bào mình”. Trải qua nhiều năm bôn ba ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, Người chứng kiến nỗi khổ của các dân tộc thuộc địa và sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản. Chính trong hành trình đó, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, nhận ra đây là học thuyết duy nhất chỉ ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức.

Sau khi đọc “Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin (1920), Người khẳng định: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Ngồi một mình mà tôi nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta.”

Từ đó, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Quốc tế Cộng sản và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Người nhận thức sâu sắc rằng, cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo con đường cách mạng vô sản, song cần vận dụng sáng tạo, tránh rập khuôn mô hình của các nước công nghiệp phát triển.

## **1.3. Kế thừa truyền thống yêu nước và tinh hoa văn hóa dân tộc**

Hồ Chí Minh không chỉ là người tiếp thu lý luận cách mạng vô sản, mà còn là người vận dụng những giá trị truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc Việt Nam vào tư tưởng cách mạng của mình. Truyền thống “dựng nước đi đôi với giữ nước”, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” đã trở thành nền tảng tinh thần cho tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Người.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, bao gồm tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của cách mạng Pháp, tinh thần độc lập của cách mạng Mỹ, và chủ nghĩa quốc tế vô sản của Lênin. Tuy nhiên, Người không tiếp nhận một cách máy móc mà luôn chọn lọc, biến lý luận cách mạng thành “chủ nghĩa Mác – Lênin được Việt Nam hóa”, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của dân tộc.

## **1.4. Tác động của phong trào cách mạng thế giới và phong trào yêu nước ở Việt Nam**

Thực tiễn phong trào cách mạng thế giới đầu thế kỷ XX – đặc biệt là sự thất bại của các phong trào yêu nước ở Việt Nam – đã giúp Hồ Chí Minh rút ra kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.”

Sự phát triển của phong trào công nhân quốc tế và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản đã cung cấp cho Người nền tảng lý luận và tổ chức để liên kết cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không đồng tình với quan điểm giáo điều của một số lãnh tụ Quốc tế Cộng sản cho rằng các dân tộc thuộc địa chỉ có thể giành độc lập sau khi cách mạng ở chính quốc thành công.

Từ nhận thức đó, Người đã phát triển luận điểm sáng tạo: cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, nếu biết phát huy nội lực, tinh thần yêu nước và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Như vậy, cơ sở hình thành quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc bắt nguồn từ ba yếu tố chủ yếu:

(1) Thực tiễn đau thương của dân tộc Việt Nam dưới ách đô hộ thực dân;

(2) Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và phong trào cách mạng vô sản thế giới;

(3) Sự kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, nhân văn, đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

Ba yếu tố đó đã hòa quyện, giúp Hồ Chí Minh hình thành nên một tư tưởng cách mạng độc lập, sáng tạo – coi cách mạng giải phóng dân tộc là một quá trình chủ động, sáng tạo, có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

# **II. SỰ SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG QUAN ĐIỂM VỀ TÍNH CHỦ ĐỘNG VÀ KHẢ NĂNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THUỘC ĐỊA**

## **2.1. Tính đột phá của luận điểm**

Luận điểm của Hồ Chí Minh rằng “cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc” là một bước đột phá lý luận rất lớn nếu đặt nó vào bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Trước những năm 1920, nhiều quan điểm trong phong trào cộng sản quốc tế, nhất là giai đoạn đầu của Quốc tế Cộng sản, vẫn coi các dân tộc thuộc địa về cơ bản là “bộ phận phụ trợ”, “hậu phương” của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển. Nói cách khác, người ta vẫn nghĩ rằng giai cấp công nhân ở chính quốc mới là lực lượng lịch sử quyết định, còn phong trào giải phóng ở thuộc địa chỉ có thể bùng lên sau, như một hệ quả tất yếu của sự sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc ở trung tâm.

Hồ Chí Minh phản bác cách nhìn thụ động đó. Người khẳng định: ở các nước thuộc địa, mâu thuẫn cơ bản, gay gắt và trực tiếp nhất là mâu thuẫn dân tộc giữa toàn thể nhân dân bản xứ với chủ nghĩa thực dân xâm lược. Chính vì vậy, ở thuộc địa, nhiệm vụ trước hết, cấp bách nhất, là giải phóng dân tộc chứ không phải trước hết là lật đổ giai cấp địa chủ phong kiến hay xây dựng ngay chuyên chính vô sản theo mô hình châu Âu. Nhân dân thuộc địa không thể và không cần phải “ngồi chờ” cách mạng ở Pháp, Anh hay Mỹ nổ ra rồi mới đứng lên giành độc lập. Họ có quyền và có khả năng tự mình vùng dậy trước.

Điểm mới nằm ở chỗ, Hồ Chí Minh đã chuyển vị trí của thuộc địa từ chỗ bị động sang chủ thể cách mạng. Đây không phải chỉ là thay đổi về khẩu hiệu, mà là thay đổi về logic lịch sử. Người nhìn thấy tiềm lực bùng nổ cách mạng nằm ngay trong lòng thuộc địa: đó là nỗi đau mất nước, đói nghèo, áp bức kéo dài; đó là sự kết hợp giữa căm thù thực dân và khát vọng độc lập, những thứ đủ sức trở thành “ngòi nổ” cách mạng, không cần đợi “tín hiệu” từ châu Âu. Luận điểm đó là sáng tạo vì nó phá vỡ tính thứ bậc cũ của phong trào cách mạng thế giới: nó đặt cách mạng thuộc địa ngang tầm với cách mạng chính quốc, thậm chí có thể đi trước và mở đường.

Thực tiễn Việt Nam chứng minh điều này. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công ở Việt Nam khi phong trào cách mạng vô sản tại Pháp – “chính quốc” của kẻ xâm lược – chưa hề giành được chính quyền. Việc Việt Nam tuyên bố độc lập ngày 2/9/1945 cho thấy nhận định “thuộc địa có thể thắng trước chính quốc” không chỉ là dự đoán chiến lược, mà là một quy luật cách mạng mới được Hồ Chí Minh phát hiện, khẳng định và tổ chức thực hiện.

## **2.2. Xác định đúng mâu thuẫn chủ yếu và nhiệm vụ trung tâm của cách mạng**

Sáng tạo của Hồ Chí Minh không phải là phủ nhận đấu tranh giai cấp, mà là sắp xếp lại thứ tự các nhiệm vụ cách mạng theo điều kiện cụ thể của Việt Nam và các nước thuộc địa. Người chỉ ra rằng ở Việt Nam thời thuộc địa, có hai tầng áp bức: áp bức dân tộc của thực dân Pháp đối với toàn thể nhân dân Việt Nam, và áp bức giai cấp của địa chủ phong kiến đối với nông dân. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng mâu thuẫn dân tộc là mâu thuẫn cơ bản và nổi bật nhất, bởi vì nếu dân tộc còn bị nô lệ thì không thể nói đến quyền lợi giai cấp theo đúng nghĩa. Nói cách khác, nếu chưa có độc lập dân tộc thì nói đến dân chủ, bánh mì, ruộng đất… chỉ là hình thức, vì mọi thành quả đều có thể bị thực dân tước đoạt.

Từ đó, Người đưa ra lập luận chiến lược: trong giai đoạn trước mắt, nhiệm vụ số một của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành chính quyền dân tộc, lập nên một nhà nước độc lập của nhân dân. Chỉ sau khi giành được độc lập, khi dân tộc đứng trên đôi chân của mình, cách mạng mới tiếp tục phát triển lên những nấc thang cao hơn, từng bước thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, cải biến quan hệ giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Như vậy, ở Hồ Chí Minh đã hình thành tư tưởng về một quá trình cách mạng liên tục nhưng có bước đi phù hợp: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là tiền đề trực tiếp cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, giữa hai giai đoạn không có “bức tường thành” tách rời.

Điều này rất sáng tạo so với lối nhìn giáo điều thời đó. Có khuynh hướng tả khuynh trong phong trào cộng sản từng nhấn mạnh đấu tranh giai cấp đến mức tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, coi vấn đề dân tộc chỉ là thứ yếu hoặc tạm thời. Hồ Chí Minh không đồng ý. Người kiên quyết bảo vệ lập trường: giải phóng dân tộc không chỉ là bước đầu mà là điều kiện sinh tử. Người nói rõ: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; nước có độc lập mà nhân dân không có tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng vô nghĩa, nhưng ngược lại, nếu không có độc lập thì mọi khẩu hiệu cách mạng xã hội chủ nghĩa đều chỉ nằm trên giấy. Lập luận này vừa thực tiễn vừa chặt chẽ: nó chứng minh vì sao cách mạng giải phóng dân tộc phải được ưu tiên, và vì sao nó chính là con đường để tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa chứ không đối lập với xã hội chủ nghĩa.

Chính nhờ sắp xếp đúng thứ tự nhiệm vụ chiến lược như vậy, Đảng Cộng sản Đông Dương (sau là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã đề ra đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tập trung vào mục tiêu “độc lập dân tộc, người cày có ruộng”. Đó là đường lối đã dẫn dắt phong trào 1930–1945 đi đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

## **2.3. Vấn đề lực lượng cách mạng**

Một điểm độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh là Người mở rộng khái niệm “chủ thể cách mạng”. Theo tư tưởng Mác – Lênin kinh điển, giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo và là động lực chính của cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh hoàn toàn thừa nhận vai trò lãnh đạo lịch sử của giai cấp công nhân và đội tiên phong là Đảng Cộng sản. Nhưng Người không thu hẹp cách mạng giải phóng dân tộc vào phạm vi một giai cấp riêng lẻ. Người khẳng định: ở một nước thuộc địa như Việt Nam, kẻ thù trực tiếp là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, và nạn nhân trực tiếp là toàn thể dân tộc Việt Nam. Vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thành công nếu trở thành sự nghiệp của toàn dân tộc.

Từ đó nảy sinh tư tưởng đại đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp mọi lực lượng yêu nước không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc, xu hướng chính trị trước đây. Công nhân – nông dân là nòng cốt, nhưng học sinh, trí thức, tiểu thương, trung nông, cả một bộ phận tư sản dân tộc và địa chủ yêu nước cũng cần được lôi cuốn, giác ngộ, tổ chức để cùng tham gia vào sự nghiệp chung là đánh đuổi thực dân, giành chính quyền.

Điều này có ý nghĩa chiến lược cực kỳ lớn. Thứ nhất, nó giúp cách mạng Việt Nam mở rộng tối đa lực lượng của mình, biến vấn đề độc lập dân tộc thành lợi ích chung của mọi tầng lớp, chứ không phải khẩu hiệu riêng của một đảng phái. Thứ hai, nó hóa giải trước nguy cơ bị cô lập. Nếu chỉ kêu gọi đấu tranh giai cấp một cách thuần nhất, lực lượng cách mạng sẽ bị phân tán, dễ bị thực dân lợi dụng, chia rẽ. Nhưng khi đặt khẩu hiệu “Toàn dân đứng lên vì độc lập dân tộc”, Hồ Chí Minh đã biến độc lập dân tộc thành điểm hội tụ chính trị, đạo đức và tình cảm của cả dân tộc, tạo ra một sức mạnh tổng hợp mà thực dân Pháp không thể ngăn chặn được.

Bằng chứng thực tiễn là sự ra đời và hoạt động của Mặt trận Việt Minh (1941). Việt Minh không chỉ là tổ chức vũ trang hay tuyên truyền thuần túy; đó là hình thức tổ chức toàn dân, có khả năng vừa xây dựng lực lượng chính trị quần chúng ở làng xã, vừa gây dựng lực lượng tự vệ, du kích, vừa chuẩn bị khởi nghĩa từng phần và tổng khởi nghĩa. Như vậy, tư tưởng “cách mạng là sự nghiệp của toàn dân” không phải là một khẩu hiệu chung chung, mà được hiện thực hóa thành phương thức huy động lực lượng rộng lớn, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm Việt Nam – nơi nông dân chiếm tuyệt đại đa số dân cư.

## **2.4. Vai trò quyết định của Đảng Cộng sản như bộ tham mưu chiến lược của cách mạng giải phóng dân tộc**

Một sáng tạo rất quan trọng khác của Hồ Chí Minh là Người gắn liền tính chủ động của cách mạng thuộc địa với yêu cầu phải có một lực lượng lãnh đạo đủ tầm – Đảng Cộng sản kiểu mới. Ngay từ “Đường Kách Mệnh”, Người đã viết: “Cách mệnh trước hết phải có Đảng cách mệnh… Đảng có vững thì cách mệnh mới thành công.” Ở đây, Hồ Chí Minh tránh được cả hai cực đoan. Một cực đoan là tự phát: tin rằng chỉ cần quần chúng căm thù thực dân thì tự nó sẽ vùng dậy và giành chính quyền. Cực đoan kia là giáo điều: máy móc áp đặt khuôn mẫu tổ chức Cộng sản châu Âu vào Việt Nam mà không tính đến trình độ giác ngộ chính trị và tương quan giai cấp ở Việt Nam lúc đó.

Cái mới của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người thiết kế một kiểu Đảng “vừa là giai cấp vừa là dân tộc”. Người khẳng định Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời “Đảng ta là Đảng của dân tộc Việt Nam”, tức là Đảng mang sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp giải phóng chung của cả dân tộc chứ không phải chỉ bảo vệ lợi ích cục bộ của riêng một giai cấp. Như vậy, Người dung hòa được tính giai cấp (cơ sở lý luận Mác – Lênin) với tính dân tộc (yêu cầu lịch sử cụ thể của Việt Nam). Đây là một điều chỉnh lý luận rất tinh tế mà không phải nhà cách mạng thuộc địa nào cũng làm được.

Kết quả lịch sử chứng minh tầm nhìn đó: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 đã chấm dứt tình trạng tản mạn, chia rẽ của phong trào yêu nước. Đảng đã đề ra Cương lĩnh chính trị đúng đắn, xác định mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; xây dựng lực lượng chính trị quần chúng; tổ chức lực lượng vũ trang; và cuối cùng lãnh đạo Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Nếu không có một Đảng kiểu mới, quán triệt đường lối vừa dân tộc vừa giai cấp như Hồ Chí Minh đề ra, thì phong trào đấu tranh chống Pháp có thể tiếp tục dũng cảm nhưng vẫn lẻ tẻ, cảm tính, bị đàn áp từng phần và rơi vào các vòng lặp thất bại như trước đó của Cần Vương hay Duy Tân.

Nói cách khác, chính vì có Đảng Cộng sản do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, cách mạng Việt Nam mới thực sự mang tính “chủ động, sáng tạo” chứ không phải bột phát. Chủ động vì có đường lối chiến lược rõ ràng; sáng tạo vì biết điều chỉnh sách lược theo từng giai đoạn (ví dụ: từ đấu tranh hợp pháp – nửa hợp pháp; đến khởi nghĩa từng phần; đến tổng khởi nghĩa).

## **2.5. Về phương pháp cách mạng**

Hồ Chí Minh không quan niệm cách mạng giải phóng dân tộc chỉ là đấu tranh nghị trường, thương lượng, xin nhượng bộ. Người cũng không tuyệt đối hóa đấu tranh vũ trang thuần túy kiểu nổi dậy quân sự mù quáng. Sự sáng tạo của Người nằm ở chỗ kết hợp hai dạng đấu tranh – chính trị quần chúng và vũ trang cách mạng – thành một quá trình có bước đi, có chuẩn bị, có thời cơ, có tổng lực.

Từ năm 1941, khi trở về Pác Bó, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Minh, xây dựng các căn cứ địa cách mạng, tổ chức các đội tự vệ cứu quốc và đặc biệt là thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12/1944). Trong chỉ thị thành lập lực lượng vũ trang, Người căn dặn: “Chính trị trọng hơn quân sự”, “tuyên truyền trọng hơn tác chiến”, “người trước, súng sau”. Những câu này cho thấy rõ Người không xem vũ trang như mục tiêu tự thân, mà xem lực lượng vũ trang là công cụ chính trị để nâng cao ý chí đấu tranh của quần chúng, chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

Đây chính là nghệ thuật “khởi nghĩa từng phần”: từng vùng, từng địa phương nổi dậy giành chính quyền cấp huyện, cấp tỉnh, vừa làm tan rã bộ máy cai trị thực dân – phong kiến ở cơ sở, vừa rèn luyện lực lượng cách mạng, vừa thử lửa tương quan lực lượng với kẻ thù. Khi tình hình quốc tế – trong đó có sự thất bại và đầu hàng của phát xít Nhật tháng 8/1945 – tạo ra thời cơ “ngàn năm có một”, Hồ Chí Minh và Đảng lập tức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước, giành chính quyền trong vòng nửa tháng.

Mô hình này hoàn toàn khác với những cuộc khởi nghĩa tự phát, đơn điểm, thiếu chuẩn bị vững chắc trước đó. Nó cũng khác với quan điểm chờ đợi “cách mạng thế giới”, chờ đợi “nội bộ địch tự sụp đổ”. Ở đây, ta thấy tính chủ động, nhạy bén, quyết đoán rất cao: thời cơ không tự mang lại thắng lợi; thời cơ chỉ có giá trị khi có sẵn lực lượng chính trị – vũ trang đã được tổ chức, rèn luyện, thống nhất chỉ huy. Sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang theo hướng từng bước leo thang chính là một biểu hiện cụ thể của tính “sáng tạo” mà đề tài đang yêu cầu làm rõ.

## **2.6. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc**

Một sáng tạo nữa thường bị xem nhẹ nhưng cực kỳ quan trọng: Hồ Chí Minh không hiểu cách mạng chỉ là cướp chính quyền; Người coi cách mạng là giành chính quyền và đồng thời phải biết tổ chức, xây dựng, bảo vệ chính quyền đó ngay lập tức. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945, khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa ra đời trong điều kiện “thù trong giặc ngoài”, nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói chưa qua, quân Tưởng, quân Anh – Pháp kéo vào, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định đường lối “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”. Nghĩa là, bảo vệ độc lập dân tộc không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng một nhà nước mới của dân, do dân, vì dân.

Tư tưởng này nối trực tiếp với quan điểm “cách mạng thuộc địa phải chủ động và có thể thắng trước chính quốc”. Nếu một dân tộc thuộc địa đã có đủ lực lượng để lật đổ ách thống trị thực dân và đứng lên tuyên bố độc lập, thì dân tộc đó cũng phải chứng minh năng lực tự quản trị, tự tổ chức xã hội, tự phát triển. Vì vậy, kiến quốc không phải là việc “để sau này”, mà là bằng chứng sống động cho tính độc lập thực sự của cuộc cách mạng. Đó là lý do vì sao chính quyền cách mạng ngay lập tức ban hành các sắc lệnh chống nạn đói, mở chiến dịch chống mù chữ, xây dựng nền hành chính mới, tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên (tháng 1/1946).

Ý nghĩa của điểm này là: Hồ Chí Minh không chỉ nêu luận điểm về khả năng thắng lợi sớm của cách mạng thuộc địa, mà Người còn chỉ ra điều kiện để thắng lợi đó bền vững: phải lập tức biến độc lập chính trị thành độc lập thực tế thông qua việc xây dựng nhà nước cách mạng, huy động và chăm lo đời sống nhân dân, để nhân dân thấy rõ “nước độc lập là của mình”, từ đó sẵn sàng bảo vệ chế độ mới bằng mọi giá. Đây là cơ sở tinh thần – chính trị quan trọng giúp Việt Nam đứng vững trong hai cuộc kháng chiến lâu dài chống Pháp rồi chống Mỹ.

# **III. Ý NGHĨA CỦA QUAN ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI**

## **3.1. Ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam: Định hướng đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp thực tiễn dân tộc**

Quan điểm “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc” của Hồ Chí Minh là kim chỉ nam soi sáng cho toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Trước hết, tư tưởng này giúp Đảng ta xác định đúng con đường cứu nước – đó là con đường cách mạng vô sản, nhưng được vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định rõ: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.”

Điều đó có nghĩa là cách mạng Việt Nam không đi theo con đường tư sản kiểu phương Tây, cũng không rập khuôn mô hình của Liên Xô, mà đi theo con đường độc lập, dân chủ nhân dân – tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng này giúp Đảng ta chủ động xây dựng lực lượng, nắm bắt và tạo ra thời cơ cách mạng, chứ không chờ đợi cách mạng thế giới. Nếu không có tư tưởng “chủ động và sáng tạo”, có lẽ Việt Nam đã không thể tận dụng được thời cơ lịch sử sau Chiến tranh thế giới thứ hai để tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 giành chính quyền. Trong khi ở Pháp – “chính quốc” của chủ nghĩa thực dân – giai cấp vô sản vẫn chưa thể giành chính quyền, thì ở Việt Nam, một nước thuộc địa nhỏ yếu, nhân dân đã làm nên cuộc cách mạng “long trời lở đất”, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi này là minh chứng sống động cho tầm vóc sáng tạo của Hồ Chí Minh, đồng thời khẳng định quy luật mới của thời đại: các dân tộc thuộc địa nếu biết đoàn kết, chủ động, sáng tạo và có đường lối đúng đắn thì hoàn toàn có thể giành độc lập trước cả chính quốc.

## **3.2. Củng cố niềm tin và khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường trong nhân dân Việt Nam**

Một trong những giá trị lớn nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là Người đã thổi bùng ngọn lửa tự tin và ý chí tự giải phóng trong lòng nhân dân Việt Nam. Trước đó, nhiều nhà cách mạng tiền bối tuy yêu nước sâu sắc nhưng đều mắc chung một hạn chế: họ tin vào sự giúp đỡ của ngoại bang – như Phan Bội Châu kỳ vọng vào Nhật Bản, Phan Châu Trinh trông chờ vào nước Pháp “khai hóa”. Hồ Chí Minh thì ngược lại: Người khẳng định dân tộc Việt Nam phải “tự mình cứu lấy mình”, không ỷ lại vào ai khác.

Người viết: “Dân ta phải đứng lên tự giải phóng cho mình, không ai có thể làm thay.” Chính tinh thần tự chủ, tự lực đó đã trở thành nguồn sức mạnh tinh thần to lớn, hun đúc thành khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” vang dội trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Quan điểm ấy cũng có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong giai đoạn hiện nay. Trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam luôn lấy tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường dân tộc làm nền tảng cho mọi chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế. Việc Hồ Chí Minh nhấn mạnh “chủ động” và “sáng tạo” trong tiến hành cách mạng vẫn còn nguyên giá trị, vì trong mọi thời kỳ, một dân tộc muốn đứng vững phải có bản lĩnh tự quyết và biết vận dụng sáng tạo lý luận, kinh nghiệm của nhân loại vào hoàn cảnh riêng của mình.

## **3.3. Mở ra mô hình cách mạng kiểu mới ở các nước thuộc địa**

Trước Hồ Chí Minh, phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa thường hoặc đi theo con đường cải lương, ôn hòa, hoặc bùng phát nổi dậy tự phát, thiếu đường lối rõ ràng và không gắn với phong trào vô sản quốc tế. Hồ Chí Minh đã đưa ra một mô hình cách mạng kiểu mới, kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống với lý luận cách mạng vô sản hiện đại.

Theo mô hình này:

Mục tiêu trước hết là giành độc lập dân tộc;

Lực lượng lãnh đạo là Đảng Cộng sản kiểu mới;

Lực lượng cách mạng là toàn dân tộc đoàn kết, lấy liên minh công – nông làm nòng cốt;

Phương pháp là bạo lực cách mạng kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang;

Và kết quả cuối cùng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Mô hình đó đã chứng minh tính đúng đắn và sức lan tỏa của nó không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sau đó là chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) đã trở thành nguồn cảm hứng và bài học quý giá cho các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Nhiều nước đã học tập kinh nghiệm Việt Nam trong việc kết hợp đấu tranh dân tộc với đấu tranh giai cấp, trong việc xây dựng mặt trận thống nhất, trong việc phát huy nội lực của dân tộc. Có thể nói, tư tưởng sáng tạo của Hồ Chí Minh đã nâng tầm phong trào giải phóng dân tộc từ một phong trào tự phát lên thành phong trào có lý luận cách mạng khoa học dẫn đường.

## **3.4. Đóng góp vào kho tàng lý luận Mác – Lênin và sự phát triển của chủ nghĩa cách mạng thế giới**

Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng mà còn phát triển sáng tạo học thuyết Mác – Lênin về cách mạng thuộc địa. Trước Lênin, Mác và Ăng-ghen chủ yếu tập trung vào cách mạng vô sản ở các nước công nghiệp phát triển. Lênin đã mở rộng học thuyết đó, coi cách mạng thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Tuy nhiên, đến Hồ Chí Minh, luận điểm này được nâng lên một tầm cao mới: cách mạng thuộc địa không chỉ là “bộ phận phụ trợ” mà có thể là “đội quân xung kích” của cách mạng vô sản thế giới.

Đây là một đóng góp quan trọng, bởi nó phá vỡ cách nhìn lệ thuộc, tạo điều kiện để các dân tộc thuộc địa tự xác định vai trò và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp cách mạng toàn cầu.

Hồ Chí Minh cũng góp phần làm phong phú thêm phương pháp luận cách mạng Mác – Lênin khi Người đưa vào đó yếu tố văn hóa, đạo đức và nhân văn. Người không xem cách mạng chỉ là sự thay đổi quan hệ sản xuất, mà còn là quá trình giải phóng con người, phục hồi phẩm giá, tự do và hạnh phúc cho mọi người dân. Chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã bổ sung cho lý luận Mác – Lênin một chiều sâu nhân văn mới, khiến cho học thuyết này trở nên gần gũi và có sức sống hơn ở các nước Á – Phi – Mỹ Latinh.

## **3.5. Khẳng định giá trị thời đại: soi sáng con đường phát triển của Việt Nam trong hiện tại và tương lai**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tính chủ động, sáng tạo và khả năng thắng lợi độc lập của cách mạng thuộc địa không chỉ có giá trị trong lịch sử mà còn mang ý nghĩa thời đại to lớn. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kế thừa tinh thần ấy trong phương châm “độc lập, tự chủ, tự cường, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”.

Tinh thần “chủ động, sáng tạo” giúp Việt Nam:

Chủ động chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế sang kinh tế tri thức, kinh tế số;

Tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, đồng thời vẫn giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia;

Vận dụng sáng tạo các học thuyết kinh tế, chính trị thế giới vào điều kiện cụ thể của Việt Nam mà không rập khuôn mô hình của bất kỳ nước nào.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Việt Nam kiên trì đường lối “đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ”, “là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”. Tất cả đều phản ánh tinh thần chủ động, sáng tạo mà Hồ Chí Minh đã khởi xướng. Người dạy rằng: “Phải tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.” Đó chính là cách tiếp cận đúng đắn, giúp Việt Nam vừa hội nhập sâu rộng, vừa bảo vệ được bản sắc và lợi ích dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Hơn nữa, trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0 và biến động toàn cầu, tinh thần chủ động – sáng tạo – độc lập mà Hồ Chí Minh đề cao càng có ý nghĩa thời sự. Nó nhắc nhở rằng, dân tộc Việt Nam muốn phát triển bền vững phải luôn biết tự định hình con đường phát triển của mình, biết tiếp thu tinh hoa nhân loại nhưng không đánh mất bản sắc và lợi ích quốc gia – dân tộc.

## **3.6. Ý nghĩa giáo dục, đạo đức và nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh**

Quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh không chỉ mang ý nghĩa chính trị – lý luận mà còn chứa đựng giá trị giáo dục sâu sắc. Nó dạy cho các thế hệ người Việt Nam bài học về ý chí độc lập, tinh thần tự tin, tự trọng và năng lực sáng tạo.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không chỉ là kết quả của vũ khí hay sức người, mà là kết tinh của trí tuệ, bản lĩnh và tinh thần dân tộc. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, mỗi người Việt Nam hôm nay cần hiểu rằng “chủ động” không chỉ là hành động chính trị, mà còn là thái độ sống; “sáng tạo” không chỉ trong chiến lược cách mạng, mà còn trong học tập, lao động và quản lý xã hội.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tư tưởng ấy trở thành động lực tinh thần to lớn giúp toàn dân đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn. Nó nhắc nhở rằng độc lập dân tộc chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân; và rằng sự nghiệp cách mạng chỉ thành công khi con người được giải phóng toàn diện cả về vật chất và tinh thần.

# **KẾT LUẬN**

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc” là một trong những sáng tạo lý luận vĩ đại, có giá trị cách mạng và thời đại sâu sắc. Quan điểm này không chỉ kế thừa và phát triển tinh thần cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh độc lập, trí tuệ sắc bén và năng lực vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam – một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu nhưng có truyền thống yêu nước nồng nàn, khát vọng tự do mãnh liệt.

Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trước hết thể hiện ở việc xác định đúng đắn vị trí, vai trò và quy luật vận động của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít nhưng có thể phát triển độc lập và đi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Người khẳng định, cách mạng ở các nước thuộc địa không cần và không nên phụ thuộc vào cách mạng ở các nước tư bản, bởi các dân tộc bị áp bức có đủ khả năng, sức mạnh và trí tuệ để tự mình vùng lên giải phóng.

Đây là bước ngoặt trong tư duy cách mạng quốc tế – từ chỗ bị động, lệ thuộc, Hồ Chí Minh đã trao cho các dân tộc thuộc địa quyền và sức mạnh làm chủ vận mệnh của chính mình.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh tính đúng đắn và tầm vóc thời đại của tư tưởng này. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập, dân tộc ta đã chủ động giành độc lập trong Cách mạng Tháng Tám 1945 – khi cách mạng ở chính quốc vẫn chưa thành công – mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tiếp đó, tư tưởng “chủ động, sáng tạo” tiếp tục được kế thừa trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, để rồi hôm nay, vẫn là nền tảng tinh thần trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

Không chỉ có ý nghĩa đối với Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh còn trở thành ngọn đuốc soi đường cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã khơi dậy phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, khẳng định chân lý: mọi dân tộc, dù nhỏ bé, nếu biết đoàn kết, chủ động và sáng tạo, đều có thể chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và xây dựng cuộc sống tự do, hạnh phúc.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn nguyên vẹn sức sống. Tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường là phương châm hành động của Việt Nam trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời tích cực, chủ động hội nhập quốc tế để phát triển bền vững. Đó là sự tiếp nối sinh động của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới – thời đại của hòa bình, hợp tác và phát triển.

# **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 2, 3, 4, 7, 11, 13, 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Danh Tiên (2020), “Những sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc và giá trị thời đại”, Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội XIII, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Trần Văn Giàu (1980), Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lưu Văn Quảng (2016), Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Nxb Chính trị quốc gia.